Danh Sách Lớp 12 - Tháng 10 - 2018

STT	Họ	Tên	Trường	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tổng
1	Trần Kiều	Anh	THSP - CT	8.80		7.50	10.00	**26.30**
2	Nguyễn Ánh	Sáng	Trần Đại Nghĩa - CT	8.80	9.25	7.75		**25.80**
3	Nguyễn Hoàng Khả	Nhi	Bình Minh - VL	9.00		6.50	9.25	**24.75**
4	Lý Trần Thanh	Hoa	THSP - CT	8.00		6.75	9.25	**24.00**
5	Trịnh Bảo	Châu	An Khánh - CT	8.20		7.25	8.50	**23.95**
6	Huỳnh Trọng	Thật	THSP - CT	7.60		6.00	9.75	**23.35**
7	Nguyễn Ngọc Thảo	Quỳnh	THSP - CT	7.60		6.50	9.25	**23.35**
8	Nguyễn Lê Mỹ	Lộc	Tân Quới - VL	8.00		6.25	8.25	**22.50**
9	Hoàng Công Bảo	Ngọc	Trần Đại Nghĩa - CT	7.40		5.75	9.25	**22.40**
10	Trần Huỳnh	Thái	THSP - CT	8.40		6.25	7.75	**22.40**
11	Phạm Linh	Tuấn	Lý Tự Trọng - CT	6.40	8.50	7.50		**22.40**
12	Trần Thị Thu	Hiền	Nguyễn Việt Hồng - CT	8.20	8.00	6.00		**22.20**
13	Nguyễn Hồ Bảo	Duy	Việt Mỹ - CT	7.80		7.00	7.00	**21.80**
14	Nguyễn Hồ Nhật	Huy	An Khánh - CT	7.80		6.25	7.00	**21.05**
15	Lý Thế	Vinh	Phú Tân - CM	7.20		5.00	8.25	**20.45**
16	Nguyễn Đặng Tường	Vy	An Khánh - CT	7.20		6.50	6.50	**20.20**
17	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	An Khánh - CT	6.80		6.50	6.75	**20.05**
18	Lưu Thảo	Vy	Bùi Hữu Nghĩa - CT	6.80		6.75	6.00	**19.55**
19	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Tân Quới - VL	6.20		5.00	8.25	**19.45**
20	Lê Võ Mỹ	Duyên	Ninh Kiều - CT	7.20		5.00	7.00	**19.20**
21	Tống Thành	Thuận	Nguyễn Việt Hồng - CT	6.40	7.50	5.00		**18.90**
22	Nguyễn Thành	Tân	Tam Bình - VL	6.60		4.50	7.75	**18.85**
23	Nguyễn Thảo	Ngân	Bùi Hữu Nghĩa - CT	8.00	6.50	4.25		**18.75**
24	Võ Trương Nguyệt	Minh	Cái Răng - CT	6.60		5.75	6.25	**18.60**
25	Trần Gia	Bách	Long Mỹ - HG	7.00		6.50	5.00	**18.50**
26	Trương Hoàng	Nhớ	An Biên - KG	5.80		5.75	6.75	**18.30**
27	Trần Gia	Tuệ	Nguyễn Việt Dũng - CT	5.40		6.75	6.00	**18.15**
28	Võ Thành	An	Tân Quới - VL	6.20		4.75	7.00	**17.95**
29	Diệp Thảo	Ngân	An Khánh - CT	6.20		5.00	6.50	**17.70**
30	Nguyễn Thị Nguyệt	Quế	THSP - CT	8.40	9.00			**17.40**
31	Phạm Minh	Thư	Trần Văn Thời - CM	6.80		5.00	5.00	**16.80**
32	Phạm Phước	Thịnh	Nguyễn Việt Hồng - CT	8.60	8.00			**16.60**
33	Nguyễn Thành	Tín	Nguyễn Việt Hồng - CT	6.80		4.00	5.50	**16.30**
34	Nguyễn Minh	Thắng	Nguyễn Việt Hồng - CT	7.00		8.25		**15.25**
35	Lê Phước	Hòa	THSP - CT	7.20	8.00			**15.20**
36	Phan Thị Ngọc	Thanh	Bùi Hữu Nghĩa - CT	6.40	7.75			**14.15**
37	Phan Thị Ngọc	Thảo	Bùi Hữu Nghĩa - CT	7.00	6.75			**13.75**
38	Đỗ Trang	Thư	THSP - CT	6.20	7.50			**13.70**
39	Huỳnh Duy	Phú	An Khánh - CT	6.20	3.00	4.25		**13.45**
40	Nguyễn Thị Nu	Đào	Tam Nông - ĐT	5.00		2.25	5.00	**12.25**
41	Đỗ Xuân	Phú	Nguyễn Việt Hồng - CT	5.80			6.25	**12.05**
42	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nguyễn Việt Hồng - CT	3.20		4.25	4.00	**11.45**
43	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nguyễn Việt Hồng - CT	3.60	4.25	3.50		**11.35**
44	Phạm Ánh	Hồng	Ô Môn - CT	3.80		3.00	4.00	**10.80**
45	Nguyễn Vỹ	Kỳ	Bùi Hữu Nghĩa - CT	5.20	4.75			**9.95**
46	Châu Phạm Quốc	An	Ngã Năm - ST	5.60		4.25		**9.85**
47	Thái Hải	Trân	Lý Tự Trọng - CT				9.00	**9.00**
48	Trần Thị Ngọc	Mai	THSP - CT				8.25	**8.25**
49	Lưu Trí	Dũng	THSP - CT				7.75	**7.75**
50	Dương Hà Nhật	Minh	THSP - CT				7.50	**7.50**
51	Ngô Lam	Phương	Lý Tự Trọng - CT				6.75	**6.75**
52	Nguyễn Huỳnh Trâm	Anh	Bình Tân - VL	4.60		2.00	3,75	**6.60**
53	Lưu Trí	Dũng	THSP - CT	6.40				**6.40**
54	Nguyễn Thị Phương	Ngân	Bùi Hữu Nghĩa - CT	6.40				**6.40**
55	Trần Nguyên Khánh	Ngọc	Nguyễn Việt Hồng - CT	6.20				**6.20**
56	Nguyễn Ngọc	Minh	Nguyễn Việt Hồng - CT	6.00				**6.00**
57	Nguyễn Phú	Quý	Nguyễn Việt Hồng - CT	5.60				**5.60**
58	Châu Phạm Quốc	An	Ngã Năm - ST				5.25	**5.25**
59	Nguyễn Linh	Trâm	Bùi Hữu Nghĩa - CT		5.25			**5.25**
60	Huỳnh Kim	Tuyến	An Khánh - CT	4.60				**4.60**
61	Trịnh Gia	Nghiêm	Phan Ngọc Hiển - CT		3.50			**3.50**